

THÔNG BÁO

Về việc cập nhật, bổ sung bản Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (lần 4)

Ngày 16/6/2026, Sở Y tế tiếp nhận hồ sơ đề nghị của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang tại văn bản số 514/BV-ĐT&CDT ngày 15/6/2026 về việc cập nhật, bổ sung bản Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ;

Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Y tế thông báo Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang tại công bố số 514/BV-ĐT&CDT ngày 15/6/2026 đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe theo Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ. Cập nhật, bổ sung bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang trên cổng thông tin điện tử Sở Y tế.

(Đính kèm văn bản số 514/BV-ĐT&CDT ngày 15/6/2026 và các phụ lục gửi kèm).

Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Cục KHCN và Đào tạo, Bộ Y tế;
- Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang;
- Trung tâm PV HCC (trả kết quả);
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Văn phòng Sở Y tế;
- Đăng tải Cổng TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, QLHNYD.



Vũ Hùng Vương

Số: 514/BV-ĐT&CĐT

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 6 năm 2026

V/v cập nhật, bổ sung Bản công bố cơ sở khám, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (Lần 4)

CẬP NHẬT, BỔ SUNG BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe (Lần 4)

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang.

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 68/SYT/GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 28 tháng 04 năm 2023.

Địa chỉ: Số 44, Đường Lê Duẩn, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BS Nguyễn Hưng Đạo, Giám đốc Bệnh viện.

Điện thoại liên hệ: 0917.688.625

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: (Phụ lục 1)
2. Trình độ đào tạo thực hành: (Phụ lục 1)
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (Phụ lục 2)
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc số ghế răng tại mỗi khoa phòng (Phụ lục 2)
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Phụ lục 3)

Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã cập nhật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, ĐT&CĐT.

KT. GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Chiến

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 6 năm 2026

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆH
(Tại 1 thời điểm)

(Ban hành kèm theo Công văn số 514/BV-ĐT&CDT ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

1. ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung trong môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720101	Cao đẳng	Y sỹ đa khoa	+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Cấp cứu	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh Hồi sức cấp cứu. Thực hiện thủ thuật Hồi sức cấp cứu thông thường. Tư vấn.	Cấp cứu	3	30	20	60	0	30
						Hồi sức tích cực & chống độc	5	50	20	60	0	50
				+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Nội khoa + Thực tập tốt nghiệp Nội khoa	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Nội khoa thường gặp. Thực hiện thủ thuật Nội khoa thông thường. Tư vấn.	Nội Tim mạch	6	60	40	120	0	60
						Nội Thận - Khớp	5	50	30	90	0	50
						Nội Tiêu hóa	5	50	35	105	0	50
						Nội Tổng hợp	6	60	60	180	0	60
+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản -	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người	Ngoại Tổng hợp	6	60	55	165	0	60				

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung trong môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Ngoại khoa + Thực tập tốt nghiệp Ngoại khoa	bệnh mắc bệnh Ngoại khoa thường gặp. Thực hiện phẫu thuật - thủ thuật Ngoại khoa thông thường. Tư vấn.	Chấn thương - Chính hình	5	50	50	150	0	50
						Ngoại Thần kinh	3	30	25	75	0	30
						Ngoại Thận - Tiết niệu	5	50	30	90	0	50
				+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Súc khỏe sinh sản + Thực tập tốt nghiệp Súc khỏe sinh sản	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, theo dõi và chăm sóc người bệnh chuyên ngành Sản khoa. Thực hiện thủ thuật Sản khoa thông thường. Tư vấn.	Phụ sản	9	90	50	150	0	90
				+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Súc khỏe trẻ em + Thực tập tốt nghiệp Súc khỏe trẻ em	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Nhi khoa thường gặp. Thực hiện thủ thuật Nhi khoa thông thường. Tư vấn.	Nhi	9	90	100	300	0	90
				+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm + Thực tập tốt nghiệp Truyền nhiễm	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Truyền nhiễm thường gặp. Tư vấn.	Truyền nhiễm	3	30	25	75	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung trong môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Y học cổ truyền thường gặp. Thực hiện thủ thuật Y học cổ truyền thông thường. Tư vấn.	Y học cổ truyền	4	40	35	105	0	40
				+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Phục hồi chức năng	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Phục hồi chức năng thường gặp. Thực hiện thủ thuật Phục hồi chức năng thông thường. Tư vấn.	Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng	3	30	35	105	0	30
				+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Tai mũi họng	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Tai mũi họng thường gặp. Thực hiện thủ thuật Tai mũi họng thông thường. Tư vấn.	Tai mũi họng	5	50	15	45	0	45
				+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Răng hàm mặt	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Răng hàm mặt thường gặp. Thực hiện thủ thuật Răng hàm mặt thông thường. Tư vấn.	Răng hàm mặt	5	50	15 giường bệnh + 3 ghế răng	54	0	50
				+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Nhân khoa	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Nhân khoa thường gặp. Thực hiện thủ thuật Nhân khoa thông thường. Tư vấn.	Mắt	4	40	15	45	0	40
				+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Da liễu	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Da liễu thường gặp. Thực hiện thủ thuật Da liễu thông thường. Tư vấn.	Da liễu	4	40	20	60	0	40
				+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản -	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người	Thần kinh - Tâm thần	3	30	30	90	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung trong môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Thần kinh - Tâm thần	bệnh mắc bệnh Thần kinh - Tâm thần thường gặp. Tư vấn.							
2	6720102	Cao đẳng	Y học cổ truyền	+ Thực tập lâm sàng Y học hiện đại 1 + Thực tập tốt nghiệp	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án người bệnh mắc bệnh Nội khoa thường gặp. Thực hiện thủ thuật Nội khoa thông thường. Tư vấn.	Cấp cứu	3	30	20	60	0	30
						Hồi sức tích cực & chống độc	5	50	20	60	0	50
						Nội Tim mạch	6	60	40	120	0	60
						Nội Thận - Khớp	5	50	30	90	0	50
						Nội Tiêu hóa	5	50	35	105	0	50
						Nội Tổng hợp	6	60	60	180	0	60
				Thực tập lâm sàng Y học hiện đại 2	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án người bệnh mắc bệnh Ngoại khoa thường gặp. Thực hiện phẫu thuật - thủ thuật Ngoại khoa thông thường. Tư vấn.	Ngoại Tổng hợp	6	60	55	165	0	60
						Chấn thương - Chính hình	5	50	50	150	0	50
						Ngoại Thần kinh	3	30	25	75	0	30
						Ngoại Thận - Tiết niệu	5	50	30	90	0	50

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung trong môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Thực tập Châm cứu	Thực hành các biện pháp điều trị không dùng thuốc trong Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	4	40	35	105	0	40
				Thực tập lâm sàng Bào chế đông dược	Thực hành việc sơ chế và bào chế các dạng thuốc đông dược; cấp phát thuốc, hướng dẫn bệnh nhân sử dụng các dạng thuốc đông dược	Y học cổ truyền	4	40	35	105	0	40
				Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền 1	Nhận định và điều trị một số bệnh chứng thường gặp theo Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	4	40	35	105	0	40
			Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng			3	30	35	105	0	30	
				Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền 2	Nhận định và điều trị một số bệnh chứng thường gặp theo Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	4	40	35	105	0	40
			Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng			3	30	35	105	0	30	
				Thực tập xoa bóp bấm huyệt dưỡng sinh	Thực hiện các động tác dưỡng sinh và các thủ thuật xoa bóp cơ bản	Y học cổ truyền	4	40	35	105	0	40
			Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng			3	30	35	105	0	30	

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Công văn số 514/BV-ĐT&CDT ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

1. ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG Y SỸ ĐA KHOA

Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đào Ngọc Việt	Bác sĩ CKII	Nội khoa	0001161/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	29	+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật Điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Cấp cứu	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh Hồi sức cấp cứu. Thực hiện thủ thuật Hồi sức cấp cứu thông thường. Tư vấn.	Cấp cứu	20
2	Phan Tuấn Vũ	Bác sĩ CKI	Đa khoa	002933/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Hồi sức cấp cứu	11			Hồi sức tích cực & chống độc	20
3	Nguyễn Thị Trang	Bác sĩ định hướng	Đa khoa	004007/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	6				
4	Nguyễn Anh Tuấn	Bác sĩ CKII	Nội khoa	000148/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	31				
5	Nguyễn Thế Hùng	Bác sĩ CKI	Nội khoa	001796/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	24				
6	Lê Huyền Phương	Bác sĩ định hướng	Hồi sức cấp cứu	003318/TQ-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu	7				
7	Ma Thị Oanh	Bác sĩ	Đa khoa	003887/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	6				

8	Châu Thị Nguyệt	Bác sĩ	Đa khoa	004230/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5					
9	Trần Thị Ái Xuân	Thạc sĩ Bác sĩ	Nội khoa	000193/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	23	+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Nội khoa; + Thực tập tốt nghiệp Nội khoa	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Nội khoa thường gặp. Thực hiện thủ thuật Nội khoa thông thường. Tư vấn.	Nội Tim mạch	40	
10	Phạm Ngọc Tân	Thạc sĩ Bác sĩ	Nội khoa	000849/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/ Nội tim mạch	18					
11	Nguyễn Trí Dũng	Bác sĩ định hướng	Bác sĩ	002966/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10					
12	Nguyễn Văn Đức	Bác sĩ định hướng	Bác sĩ	004118/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5					
13	Nguyễn Thị Phương	Bác sĩ định hướng	Bác sĩ	004480/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	9					
14	Lý Thị Thơ	Bác sĩ CKII	Nội khoa	000748/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/ Nội, Siêu âm tim, siêu âm tổng quát	13				Nội Thận - khớp	30
15	Nguyễn Văn Long	Bác sĩ CKI	Nội khoa	002830/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	17					
16	Dương Thu Hà	Bác sĩ CKI	Đa khoa	002912/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	12					
17	Đặng Thị Nguyệt Nga	Bác sĩ định hướng	Đa khoa	003261/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	9					
18	La Thị Thủy	Bác sĩ CKI	Đa khoa	003442/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	6					
19	Ngô Quang Chiến	Bác sĩ CKI	Nội khoa	000876/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	20				Nội Tiêu hóa	35
20	Chu Văn Tuấn	Bác sĩ CKI	Nội khoa	001638/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Nội	19					

21	Hứa Văn Đường	Bác sĩ CKI	Nội khoa	003029/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	20			
22	Lê Thị Hồng Hương	Đại học	Đa khoa	003028/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	9			
23	Bùi Đức Tuấn	Thạc sĩ Bác sĩ	Nội khoa	002768/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Nội	12			
24	Đoàn Thị Thúy Tình	Bác sĩ CKII	Nội khoa	000738/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Nội	21			
25	Lê Kim Việt	Thạc sĩ Bác sĩ	Nội khoa	000104/TQ- CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội/ Chuyên khoa Tâm thần	32			
26	Vũ Thị Thúy Yên	Bác sĩ	Nội khoa	003701/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	6			
27	Hà Quang Diễm	Bác sĩ	Nội khoa	003152/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Nội	9			
28	Nguyễn Thị Niềm	Bác sĩ định hướng	Nội khoa	002887/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Nội	10			
29	La Thị Kim Thi	Bác sĩ	Đa khoa	004025/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5			
30	Phạm Thanh Thịnh	CKI	Ngoại khoa	002842/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	22			
31	Hoàng Minh Đức	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại khoa	002869/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	12			
32	Nguyễn Viết Thắng	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại khoa	002899/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	10			
33	Lê Anh Tuấn	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại khoa	002860/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	12	Thực hành chẩn đoán, điều trị chăm sóc người bệnh	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Ngoại khoa thường gặp. Thực hiện phẫu thuật - thủ thuật Ngoại khoa thông thường.	
								Nội Tổng hợp	60
								Ngoại Tổng hợp	55

34	Nguyễn Mạnh Tuấn	Bác sĩ định hướng	Ngoại khoa	004116/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5
35	Trần Quang Lâm	Bác sĩ định hướng	Ngoại khoa	004281/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5
36	Nguyễn Quang Nguyên	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	000548/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	29
37	Vương Văn Côn	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	003100/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	8
38	Nguyễn Tài Tuệ	Bác sĩ định hướng	Ngoại khoa	003301/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	8
39	Nguyễn Hoàng Gia	Bác sĩ định hướng	Ngoại khoa	003414/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	8
40	Ma Công Thành	Bác sĩ định hướng	Ngoại khoa	004348/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	5
41	Nguyễn Quang Minh	Bác sĩ CKII	Ngoại khoa	000023/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	29
42	Lương Văn Cừ	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	002891/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	13
43	Âu Trung Khánh	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	002925/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Ngoại	10
44	Ma Ngọc Ba	Thạc sĩ	Ngoại khoa	0002429/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	21
45	Ma Đình Đức	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	002893/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	11
46	Lê Quang Huy	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	003374/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	10

Ngoại khoa;
Thực tế tốt nghiệp
Ngoại khoa

Tư vấn.

Ngoại Chấn thương - chỉnh hình		40
Ngoại Thần kinh		25
Ngoại Thận - Tiết niệu		30

47	Nguyễn Thế Thiêm	Định hướng	Ngoại khoa	002877/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	9				
48	Hà Anh Tuấn	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	001366/PT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	20				
49	Lê Minh Hải	Bác sĩ CKII	Sản phụ khoa	000194/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Phụ khoa	22	+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Sức khỏe sinh sản; + Thực tập tốt nghiệp Sức khỏe sinh sản	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, theo dõi và chăm sóc người bệnh chuyên ngành Sản khoa. Thực hiện thủ thuật Sản khoa thông thường. Tư vấn.	Phụ sản	50
50	Phùng Trọng Thủy	Bác sĩ CKII	Sản, phụ khoa	000197/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Phụ khoa	15				
51	Dương Văn Chương	Thạc sĩ Bác sĩ	Sản, phụ khoa	0001089/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Phụ khoa	7				
52	Phạm Thị Giang	Bác sĩ CKI	Sản, phụ khoa	003002/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Phụ khoa, KHHGD	6				
53	Trương Thị Thu Hương	Thạc sĩ Bác sĩ	Sản, phụ khoa	0001782/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản - phụ - KHHGD	15				
54	Nguyễn Việt Linh	Thạc sĩ Bác sĩ	Sản, phụ khoa	003413/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản - Phụ - KHHGD	9				
55	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thạc sĩ Bác sĩ	Sản, phụ khoa	002810/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Phụ khoa	13				
56	Phạm Thị Bích Ngọc	Bác sĩ định hướng	Sản, phụ khoa	003556/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5				
57	Nguyễn Thị Hằng	Bác sĩ định hướng	Sản, phụ khoa	003804/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản - phụ - KHHGD	5				
58	Đỗ Thị Thu Giang	Tiến sĩ Bác sĩ	Nhi khoa	000888/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	30				

59	Trịnh Thị Huyền	Thạc sĩ Bác sĩ	Nhi khoa	000189/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	15	dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Sức khỏe trẻ em; + Thực tập tốt nghiệp Sức khỏe trẻ em	thường gặp. Thực hiện thủ thuật Nhi khoa thông thường. Tư vấn.		
60	Nguyễn Thị Thu Hương	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	001640/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Nhi	17				
61	Đào Việt Thắng	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	000762/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/ Chuyên khoa Nhi	13				
62	Quan Thị Giang	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	000872/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/ Chuyên khoa Nhi	18				
63	Hà Thị Hội	Bác sĩ định hướng	Nhi khoa	002813/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/ Chuyên khoa Nhi	12				
64	Nguyễn Thị Thanh Hương	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	003092/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	9				
65	Nguyễn Thị Lan Hương	Bác sĩ định hướng	Nhi khoa	003448/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	8				
66	Hà Thị Cẩm Tú	Bác sĩ định hướng	Nhi khoa	003896/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5				
67	Nguyễn Tiến Quân	Bác sĩ CKI	Hội sức cấp cứu	0001795/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	18	+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm; + Thực tập tốt nghiệp	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Truyền nhiễm thường gặp. Tư vấn.	Truyền nhiễm	25
68	Châu Văn Tịch	Bác sĩ CKI	Truyền nhiễm	0001743/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	20				

69	Nguyễn Tuyết Trinh	Bác sĩ định hướng	Truyền nhiễm	003444/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10	Truyền nhiễm			
70	Trần Quang Tuấn	Bác sĩ định hướng	Y học cổ truyền	0001753/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; Nội khoa-Y học cổ truyền	21	Thực hành chẩn đoán, điều trị chăm sóc người bệnh bằng phương pháp Y học cổ truyền	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Y học cổ truyền thường gặp. Thực hiện thủ thuật Y học cổ truyền thông thường. Tư vấn.	Y học cổ truyền	35
71	Đỗ Lan Anh	Bác sĩ định hướng	Y học cổ truyền	000838/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền/Phục hồi chức năng	25				
72	Dương Thu Trang	Bác sĩ định hướng	Y học cổ truyền	003080/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	8				
73	Vũ Văn Chuyên	Bác sĩ định hướng	Y học cổ truyền	002896/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền/Phục hồi chức năng	10				
74	Nguyễn Thành Tuyên	Thạc sĩ Bác sĩ	PHCN	000576/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh thuộc hệ Nội Nhi, Phục hồi chức năng	24				
75	Trần Thanh Nga	Bác sĩ định hướng	PHCN	0001775/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học dân tộc; Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	19				
76	Châu Thị Hương	Bác sĩ định hướng	PHCN	003401/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng	8				
77	Vũ Đăng Khoa	Thạc sĩ	Tai mũi họng	0001659/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	20	+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Tai mũi họng thường gặp. Thực hiện thủ thuật Tai mũi họng thông thường. Tư vấn.	Tai mũi họng	15
78	Nguyễn Bắc Hải	Thạc sĩ	Tai mũi họng	000057/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	16				

79	Đặng Quang Tuấn	Định hướng	Tai mũi họng	003455/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/chuyên khoa Tai Mũi Họng	9	dưỡng + Thực tập lâm sàng Tai mũi họng			
80	Ma Ngọc Quỳnh	Định hướng	Tai mũi họng	003583/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/ chuyên khoa Tai Mũi Họng	8				
81	Châu Văn Hoàng	Đại học	Tai mũi họng	004052/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	6				
82	Bùi Ngọc Dương	Bác sĩ CKII	Răng hàm mặt	000001/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	22	+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Răng hàm mặt	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Răng hàm mặt thường gặp. Thực hiện thủ thuật Răng hàm mặt thông thường. Tư vấn.	Răng hàm mặt	15 giường bệnh + 3 ghế răng
83	Vương Ngọc Thìn	Thạc sĩ Bác sĩ	Răng hàm mặt	003013/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	13				
84	Tạ Nguyệt Ánh	Bác sĩ CKI	Răng hàm mặt	002967/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	12				
85	Vương Ngọc Thịnh	Bác sĩ CKI	Răng hàm mặt	002858/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	9				
86	La Đình Vinh	Thạc sĩ	Răng hàm mặt	002609/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	10				
87	Đặng Ngọc Hoàng	Thạc sĩ Bác sĩ	Nhãn khoa	000652/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	22	+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Nhãn khoa	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Nhãn khoa thường gặp. Thực hiện thủ thuật Nhãn khoa thông thường. Tư vấn.	Mắt	15
88	Nguyễn Thị Minh Thu	Bác sĩ CKII	Nhãn khoa	000049/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	25				
89	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	Bác sĩ CKI	Nhãn khoa	002831/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	10				
90	Châu Thanh Thúy	Bác sĩ CKI	Nhãn khoa	002947/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	11				
91	Nguyễn Thị Minh	Bác sĩ CKII	Da liễu	000048/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Da liễu	29	+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Da liễu	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Da liễu thường gặp. Thực hiện thủ thuật Da liễu thông thường. Tư vấn.	Da liễu	20

92	Phạm Thị Tuyền	Bác sĩ CKII	Da liễu	000046/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Da liễu	30	sang Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Da liễu	người bệnh mắc bệnh Da liễu thường gặp. Thực hiện thủ thuật Da liễu thông thường. Tư vấn.		
93	Nguyễn Nhật Long	Bác sĩ định hướng	Da liễu	003424/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	5				
94	Ma Văn Anh	Bác sĩ định hướng	Da liễu	003876/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Da liễu	6				
95	Vũ Xuân Nam	Bác sĩ CKI	0001604/TQ-CCHN	0001604/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tâm thần	19	+ Thực hành lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - kỹ thuật điều dưỡng + Thực tập lâm sàng Thần kinh - Tâm thần	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án, chăm sóc người bệnh mắc bệnh Thần kinh - Tâm thần thường gặp. Tư vấn.	Thần kinh - Tâm thần	30
96	Lê Thị Lý	Bác sĩ CKI	Thần kinh	003169/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Nội thần kinh	9				
97	Bùi Thị Hạnh	Bác sĩ định hướng	Thần kinh	004271/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5				

2. ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG Y HỌC CỔ TRUYỀN

Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Đào Ngọc Việt	Bác sĩ CKII	Nội khoa	0001161/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	29	Thực tập lâm sàng Y học hiện	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án người bệnh mắc bệnh Nội khoa thường gặp.	Cấp cứu	20

2	Phan Tuấn Vũ	Bác sĩ CKI	Đa khoa	002933/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Hồi sức cấp cứu	11
3	Nguyễn Thị Trang	Bác sĩ định hướng	Đa khoa	004007/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	6
4	Nguyễn Anh Tuấn	Bác sĩ CKII	Nội khoa	000148/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	31
5	Nguyễn Thế Hùng	Bác sĩ CKI	Nội khoa	001796/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	24
6	Lê Huyền Phương	Bác sĩ định hướng	Hồi sức cấp cứu	003318/TQ- CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu	7
7	Ma Thị Oanh	Bác sĩ	Đa khoa	003887/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	6
8	Châu Thị Nguyệt	Bác sĩ	Đa khoa	004230/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5
9	Trần Thị Ái Xuân	Thạc sĩ Bác sĩ	Nội khoa	000193/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	23
10	Phạm Ngọc Tân	Thạc sĩ Bác sĩ	Nội khoa	000849/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/ Nội tim mạch	18
11	Nguyễn Trí Dũng	Bác sĩ định hướng	Bác sĩ	002966/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10
12	Nguyễn Văn Đức	Bác sĩ định hướng	Bác sĩ	004118/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5
13	Nguyễn Thị Phương	Bác sĩ định hướng	Bác sĩ	004480/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	9
14	Lý Thị Thơ	Bác sĩ CKII	Nội khoa	000748/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/ Nội, Siêu âm tim, siêu âm tổng quát	13

đại 1; Thực
tập tốt
nghịệp

Thực hiện thủ thuật Nội khoa thông
thường. Tư vấn.

Hồi sức tích
cực &
chống độc

20

Nội
Tim mạch

40

Nội Thận -
khớp

30

15	Nguyễn Văn Long	Bác sĩ CKI	Nội khoa	002830/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	17
16	Dương Thu Hà	Bác sĩ CKI	Đa khoa	002912/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	12
17	Đặng Thị Nguyệt Nga	Bác sĩ định hướng	Đa khoa	003261/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	9
18	La Thị Thủy	Bác sĩ CKI	Đa khoa	003442/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	6
19	Ngô Quang Chiến	Bác sĩ CKI	Nội khoa	000876/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	20
20	Chu Văn Tuấn	Bác sĩ CKI	Nội khoa	001638/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Nội	19
21	Hứa Văn Đường	Bác sĩ CKI	Nội khoa	003029/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	20
22	Lê Thị Hồng Hương	Đại học	Đa khoa	003028/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	9
23	Bùi Đức Tuấn	Thạc sĩ Bác sĩ	Nội khoa	002768/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Nội	12
24	Đoàn Thị Thúy Tình	Bác sĩ CKII	Nội khoa	000738/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Nội	21
25	Lê Kim Việt	Thạc sĩ Bác sĩ	Nội khoa	000104/TQ- CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội/ Chuyên khoa Tâm thần	32
26	Vũ Thị Thúy Yên	Bác sĩ	Nội khoa	003701/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	6
27	Hà Quang Diễm	Bác sĩ	Nội khoa	003152/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Nội	9

Nội Tiêu hóa	35
Nội Tổng hợp	60

28	Nguyễn Thị Niềm	Bác sĩ định hướng	Nội khoa	002887/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Nội	10	Thực tập lâm sàng Y học hiện đại 2	Tham gia tiếp nhận, khám, chẩn đoán, điều trị, làm bệnh án người bệnh mắc bệnh Ngoại khoa thường gặp. Thực hiện phẫu thuật - thủ thuật Ngoại khoa thông thường. Tư vấn.	Ngoại Tổng hợp	55		
29	La Thị Kim Thi	Bác sĩ	Đa khoa	004025/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5						
30	Phạm Thanh Thịnh	CKI	Ngoại khoa	002842/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	22						
31	Hoàng Minh Đức	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại khoa	002869/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	12						
32	Nguyễn Việt Thắng	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại khoa	002899/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	10						
33	Lê Anh Tuấn	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại khoa	002860/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	12						
34	Nguyễn Mạnh Tuấn	Bác sĩ định hướng	Ngoại khoa	004116/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5						
35	Trần Quang Lâm	Bác sĩ định hướng	Ngoại khoa	004281/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	5						
36	Nguyễn Quang Nguyên	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	000548/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	29					Ngoại Chấn thương - chỉnh hình	40
37	Vương Văn Côn	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	003100/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	8						
38	Nguyễn Tài Tuệ	Bác sĩ định hướng	Ngoại khoa	003301/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	8						
39	Nguyễn Hoàng Gia	Bác sĩ định hướng	Ngoại khoa	003414/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	8						

40	Ma Công Thành	Bác sĩ định hướng	Ngoại khoa	004348/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	5				
41	Nguyễn Quang Minh	Bác sĩ CKII	Ngoại khoa	000023/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	29			Ngoại Thần kinh	25
42	Lương Văn Cừ	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	002891/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	13				
43	Âu Trung Khánh	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	002925/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Ngoại	10				
44	Ma Ngọc Ba	Thạc sĩ	Ngoại khoa	0002429/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	21			Ngoại Thận - Tiết niệu	30
45	Ma Đình Đức	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	002893/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	11				
46	Lê Quang Huy	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	003374/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	10				
47	Nguyễn Thế Thiêm	Định hướng	Ngoại khoa	002877/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	9				
48	Hà Anh Tuấn	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	001366/PT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	20				
49	Trần Quang Tuấn	Bác sĩ định hướng	Y học cổ truyền	0001753/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; Nội khoa- Y học cổ truyền	21	Thực tập Châm cứu/ Thực tập lâm sàng Bào chế đông dược/ Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền 1/	Thực hành các biện pháp điều trị không dùng thuốc trong Y học cổ truyền/ Thực hành việc sơ chế và bào chế các dạng thuốc đông dược; cấp phát thuốc, hướng dẫn bệnh nhân sử dụng các dạng thuốc đông dược/ Nhận định và điều trị một số bệnh chứng thường gặp theo Y học cổ truyền/ Thực hiện các động tác dưỡng sinh và các thủ thuật xoa bóp cơ bản	Y học cổ truyền	35
50	Đỗ Lan Anh	Bác sĩ định hướng	Y học cổ truyền	000838/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền/Phục hồi chức năng	25				

51	Dương Thu Trang	Bác sĩ định hướng	Y học cổ truyền	003080/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	8	Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền 2/ Thực tập xoa bóp bấm huyệt dưỡng sinh			
52	Vũ Văn Chuyên	Bác sĩ định hướng	Y học cổ truyền	002896/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền/Phục hồi chức năng	10				
53	Trần Quang Tuấn	Bác sĩ định hướng	Y học cổ truyền	0001753/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; Nội khoa-Y học cổ truyền	21	Thực tập Châm cứu/ Thực tập lâm sàng Bào chế đông dược/ Thực tập	Thực hành các biện pháp điều trị không dùng thuốc trong Y học cổ truyền/ Thực hành việc sơ chế và bào chế các dạng thuốc đông dược; cấp phát thuốc, hướng dẫn bệnh nhân sử dụng các dạng thuốc đông dược/ Nhận định và điều trị một số bệnh chứng thường gặp theo Y học cổ truyền/ Thực hiện các động tác dưỡng sinh và các thủ thuật xoa bóp cơ bản	Y học cổ truyền	35
54	Đỗ Lan Anh	Bác sĩ định hướng	Y học cổ truyền	000838/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền/Phục hồi chức năng	25	lâm sàng Y học cổ truyền 1/ Thực tập			
55	Dương Thu Trang	Bác sĩ định hướng	Y học cổ truyền	003080/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	8	lâm sàng Y học cổ truyền 2/ Thực tập			
56	Vũ Văn Chuyên	Bác sĩ định hướng	Y học cổ truyền	002896/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền/Phục hồi chức năng	10	xoa bóp bấm huyệt dưỡng sinh			
57	Nguyễn Thành Tuyên	Thạc sĩ Bác sĩ	PHCN	000576/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh thuộc hệ Nội Nhi, Phục hồi chức năng	24	Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền 1/	/ Nhận định và điều trị một số bệnh chứng thường gặp theo Y học cổ truyền/ Thực hiện các động tác dưỡng sinh và các thủ thuật xoa bóp cơ bản	Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng	35

58	Trần Thanh Nga	Bác sĩ định hướng	PHCN	0001775/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học dân tộc; Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	19	Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền 2/ Thực tập xoa bóp bấm huyệt dưỡng sinh			
59	Châu Thị Hương	Bác sĩ định hướng	PHCN	003401/TQ- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng	8				

Tuyên Quang, ngày tháng 6 năm 2026

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Công văn số /BV-DT&CDT ngày tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

1. ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG Y SỸ ĐA KHOA

Stt	Khoa	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng, nước sản xuất
1		Phòng học	Phòng	2	
2		Máy tính	Cái	2	Nhật Bản
3		Máy chiếu	Cái	2	Nhật Bản
4		Bảng viết lớn	Cái	2	Trung Quốc
5	Cấp cứu	Thiết bị chuyển nhiệt Brother TD -2020 (máy in vòng đeo tay cho người bệnh) SN: M9Z513110, 2020TS139	Cái	1	Trung Quốc
6		Bơm tiêm điện TS581	Cái	1	Đức
7		Bơm tiêm điện TS582	Cái	1	Đức
8		Bơm tiêm điện TS583	Cái	1	Đức
9		Bơm tiêm điện TS584	Cái	1	Đức
10		Bơm tiêm điện TS585	Cái	1	Đức
11		Bơm tiêm điện (ODA) TS594	Cái	1	Đức
12		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC (SN: 372107155), 2022TS030	Cái	1	Rumani
13		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC (SN: 372107582), 2022TS032	Cái	1	Rumani

14		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC (SN: 372107604), 2022TS029	Cái	1	Rumani
15		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC (SN: 372107615), 2022TS033	Cái	1	Rumani
16		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC (SN: 372107621), 2022TS031	Cái	1	Rumani
17		Máy điện tim 12 kênh Cardipia 800H (SN: C800222229), 2022TS052	Cái	1	Hàn Quốc
18		Máy đo SPO2 cầm tay, TS668	Cái	5	Hàn Quốc
19		Máy Monitor theo dõi bệnh nhân, TS563	Cái	1	Trung Quốc
20		Máy phá rung tạo nhịp tim Cardioline TEC-5521K - SN:16599	Cái	1	Nhật Bản
21		Máy phá rung tạo nhịp tim TEC-5521K	Cái	1	Nhật Bản
22		Máy phân tích khí máu GEM PREMIER 5500 SN: 19101868	Cái	1	Mỹ
23		Máy theo dõi bệnh nhân 2 thông số Vitapia 5500 (Seri: 20120400006)	Cái	1	Hàn Quốc
24		Máy theo dõi bệnh nhân MP 1000NT	Cái	2	Hàn Quốc
25		Máy thở cấp cứu xách tay Sirio S2/T 9serial: 57323)	Cái	1	Italy
26		Máy thở CPAP với hai mức áp lực (Bilevel)	Cái	1	Trung Quốc
27		Máy thở đa năng DM-150XJ	Cái	1	Pháp
28		Monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	1	Hàn Quốc
29		Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (Serial: 18100100040)	Cái	1	Hàn Quốc
30		Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	Cái	1	Hàn Quốc
31	Hội sức tích cực và chống độc	Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	10	Rumani
32		Hệ thống monitor trung tâm theo dõi bệnh nhân (Hệ thống máy theo dõi bệnh nhân	bộ	1	Hàn Quốc

33		Máy điện tim 6 cần	Cái	1	Nhật Bản
34		Máy hút dịch 2 bình	Cái	1	Trung Quốc
35		Máy lọc máu liên tục (Series: 03828)	Cái	1	Đức
36		Máy phá rung tạo nhịp tim TEC-5521K	Cái	1	Nhật Bản
37		Máy siêu âm đen trắng DUS - 8000	Cái	1	Mỹ
38		Máy soi ven AV-500 (SN: AV20050042)	Cái	1	Mỹ
39		Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (Norred)	Cái	7	Phần Lan
40		Máy thở (EVL81010)	Cái	1	Mỹ
41		Máy thở (eVolution 3e)	Cái	7	Mỹ
42		Máy thở (xâm nhập và không thâm nhập) và máy nén khí	Cái	3	Đức
43		Máy thở xách tay HT50	Cái	1	Mỹ
44		Máy X-Quang di động AMADEO M-DR	Cái	1	Đức
45		Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	6	Phần Lan
46		Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	Cái	1	Hàn Quốc
47	Nội Tim mạch	Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	4	Rumani
48		Hệ thống DSA Allura Xper FD20 chụp mạch số (can thiệp mạch)	bộ	1	Hà Lan
49		Hệ thống holter theo dõi điện tim, huyết áp	bộ	1	Áo và Thụy sỹ
50		Holter theo dõi điện tim Medelog FD5 Plus	Cái	1	Áo

51		Holter theo dõi huyết áp BR-102 Plus	Cái	1	Thụy Sĩ	
52		Máy điện tim 6 cần ECG-1250K	Cái	1	Nhật Bản	
53		Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	1	Phần Lan	
54		Máy phá rung tạo nhịp tim TEC-5521K	Cái	1	Nhật Bản	
55		Máy siêu âm doppler màu	Cái	1	Hàn Quốc	
56		Máy tạo nhịp tạm thời một buồng	Cái	1	Đức	
57		Máy theo dõi bệnh nhân	Cái	1	Hàn Quốc	
58	Nội Thận - Khớp	Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	1	Rumani	
59		Bơm tiêm điện FERFUSOR COMPACT	Cái	1	Đức	
60		Hệ thống lọc nước RO chạy thận nhân tạo	Bộ	1	Việt Nam	
61		Hệ thống lọc nước RO dùng cho máy HDF Online	Bộ	1	Việt Nam	
62		Hệ thống nội soi chẩn đoán tiết niệu	Bộ	1	Nhật Bản	
63		Máy chạy thận nhân tạo	Cái	7	Đức	
64		Máy chạy thận nhân tạo 4008A	Cái	8	Đức	
65		Máy chạy thận nhân tạo HDF Online	Cái	1	Đức	
66		Máy đo SpO2	Cái	1	Hàn Quốc	
67		Máy đo SpO2 cầm tay	Cái	1	Hàn Quốc	
68		Máy theo dõi bệnh nhân 2 thông số Vitapia 5500	Cái	2	Hàn Quốc	
69		Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	1	Hàn Quốc	
70		Nội Tiêu hóa	Bộ cắt Polip OLYMPUS	Bộ	1	Nhật Bản
71			Bộ dây nội soi dạ dày EG-530WR	Bộ	2	Nhật Bản
72	Bộ dây nội soi đại tràng EC-530WL3		Bộ	1	Nhật Bản	
73	Bộ dụng cụ thắt trĩ HEBU		Bộ	1	Đức	
74	bộ nội soi dạ dày đại tràng fujifilm		Bộ	1	Nhật Bản	
75	Bộ soi dạ dày		Bộ	2	Nhật Bản	

76		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	2	Rumani
77		Hệ thống máy nội soi dạ dày tá tràng + đại tràng ống mềm	Bộ	1	Nhật Bản
78		Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng	Bộ	1	Nhật Bản
79		Máy đo SPO2 cầm tay	Cái	1	Hàn Quốc
80	Nội Tổng hợp	Bộ dây nội soi khí phế quản EB-530S	Cái	1	Nhật Bản
81		Bơm tiêm điện	Cái	2	Đức
82		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	3	Rumani
83		Bơm tiêm điện Perfusor compact	Cái	2	Đức
84		Hệ thống nội soi khí phế quản	Bộ	1	Nhật Bản
85		Kim sinh thiết màng phổi	Cái	2	Thụy sỹ
86		Kim sinh thiết Olympus	Cái	1	Nhật Bản
87		Máy đo chức năng hô hấp (Series: A23-OQ.00107)	Cái	1	Italy
88		Máy đo chức năng hô hấp SPIROLAB III	Cái	1	Italy
89		Máy đo chức năng hô hấp SpiroScout	Cái	1	Đức
90		Máy đo SPO2 cầm tay	Cái	2	Hàn Quốc
91		Máy hút dịch màng phổi	Cái	2	Nhật Bản
92		Máy phân tích thăm dò chức năng hô hấp	Cái	1	Italy
93		Máy xông khí dung Comfort 3000	Cái	2	Nhật Bản
94		Máy xông khí dung siêu âm Comfort 3000	Cái	2	Nhật Bản
95		Monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	1	Trung Quốc
96		Ngoại Tổng hợp	Bộ hút dịch áp lực thấp	Cái	3
97	Máy đo SPO2		Cái	1	Hàn Quốc
98	Máy đo spo2 cầm tay		Cái	2	Hàn Quốc
99	Máy đo SPO2 cầm tay VO-100		Cái	2	Hàn Quốc
100	Máy hút dịch màng phổi		Cái	1	Nhật Bản

101		Máy tháo lồng ruột	Cái	1	Trung Quốc
102		Thiết bị chuyển nhiệt Brother TD -2020 (máy in vòng đeo tay cho người bệnh)	Cái	1	Trung Quốc
103	Ngoại Chấn thương - Chỉnh hình	Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	1	Rumani
104		Đèn mổ cấp cứu di động	Cái	1	Đức
105		Máy đo SPO2 cầm tay VO-100	Cái	1	Hàn Quốc
106		Máy truyền dịch INFUSOMATP	Cái	1	Đức
107		Thiết bị chuyển nhiệt Brother TD -2020 (máy in vòng đeo tay cho người bệnh)	Cái	1	Trung Quốc
108	Ngoại Thần kinh	Bơm tiêm điện PERFUSOR COMPACT	Cái	2	Đức
109		Máy đo spo2	Cái	2	Hàn Quốc
110		Máy đo SPO2 cầm tay VO-100	Cái	3	Hàn Quốc
111	Ngoại Thận - tiết niệu	Bộ tán sỏi niệu quản ngược dòng	Cái	1	Đức
112		Thiết bị chuyển nhiệt Brother TD -2020 (máy in vòng đeo tay cho người bệnh)	Cái	2	Trung Quốc
113		Máy đo SPO2 cầm tay	Cái	1	Hàn Quốc
114		Đèn mổ di động 4 bóng	Cái	1	Trung Quốc
115		Panh Pentax	Cái	1	Nhật Bản
116		Máy rửa tay vô trùng 1 vòi	Cái	1	Việt Nam
117	Phụ sản	Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	1	Rumani
118		Dao mổ điện ZEUS-150	Cái	1	Hàn Quốc
119		Giường sưởi sơ sinh	Cái	2	Việt Nam
120		Máy đốt điện SURTTRO 500	Cái	1	Itali
121		Máy soi cổ tử cung DVC 200	Cái	1	Mỹ
122		Máy SpO2 cầm tay	Cái	1	Hàn Quốc
123		Máy theo dõi sản khoa FM 8000	Cái	4	Hàn Quốc

124		Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	2	Hàn Quốc
125		Monitor theo dõi sản khoa	Cái	3	Hàn Quốc
126		Thiết bị chuyển nhiệt Brother TD -2020 (máy in vòng đeo tay cho người bệnh)	Cái	1	Trung Quốc
127	Nhi	Phòng học	Phòng	2	
128		Máy tính	Cái	2	Nhật Bản
129		Máy chiếu	Cái	2	Nhật Bản
130		Bảng viết lớn	Cái	2	Trung Quốc
131		Bộ đặt nội khí quản trẻ sơ sinh	Bộ	2	Đức
132		Bộ đèn đặt nội khí quản trẻ em	Bộ	2	UK
133		Bơm tiêm điện	Cái	5	Nhật Bản
134		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	6	Rumani
135		Bơm tiêm điện FERFUSOR COMPACT	Cái	2	Rumani
136		Bơm tiêm điện SK-500II	Cái	2	Trung Quốc
137		Bơm truyền dịch	Cái	4	Trung Quốc
138		Đèn chiếu vàng da V3000	Cái	1	Việt Nam
139		Đèn điều trị vàng da	Cái	1	Nhật Bản
140		Giường hỗ trợ hồi sức cho trẻ sơ sinh	Cái	1	Việt Nam
141		Giường sưởi sơ sinh	Cái	4	Việt Nam
142		Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái	6	Trung Quốc
143		Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái	1	Nhật Bản
144	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Cái	1	Mỹ	

145	Máy chiếu vàng da	Cái	1	Ấn Độ
146	Máy khí dung siêu âm	Cái	1	Nhật Bản
147	Máy khí dung siêu âm NE-U17	Cái	1	Nhật Bản
148	Máy khí dung siêu âm OMROM	Cái	2	Nhật Bản
149	Máy monitor theo dõi bn 5 thông số	Cái	1	Hàn Quốc
150	Máy soi ven AV-500	Cái	1	Mỹ
151	Máy tạo nén O xy (H5N1)	Cái	1	Mỹ
152	Máy tạo O xy (Hoa trắng)	Cái	1	Pháp
153	Máy theo dõi bệnh nhân	Cái	1	Hàn Quốc
154	Máy thở	Cái	1	Mỹ
155	Máy thở 1070	Cái	1	Mỹ
156	Máy thở cao cấp chuyên dụng cho sơ sinh	Cái	1	Mỹ
157	Máy thở cho trẻ sinh non, sơ sinh và trẻ em EveNeo	Cái	1	Đức
158	Máy thở SC 1200	Cái	1	Nhật Bản
159	Máy thở trẻ em	Cái	1	Nhật Bản
160	Máy thở trẻ sơ sinh EVL	Cái	2	Mỹ
161	Máy trợ thở BB CPAP 02	Cái	2	Việt Nam
162	Máy trợ thở cho trẻ sơ sinh (BB.CPAP02)	Cái	1	Việt Nam
163	Máy truyền dịch (Norred)	Cái	5	Thụy sỹ
164	Máy xông khí dung (Comfort 3000 KU-500)	Cái	4	Nhật Bản
165	Monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	2	Hàn Quốc
166	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	2	Hàn Quốc

167	Truyền nhiễm	Phòng học	Phòng	2	
168		Máy tính	Cái	2	Nhật Bản
169		Máy chiếu	Cái	2	Nhật Bản
170		Bảng viết lớn	Cái	2	Trung Quốc
171		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	2	Rumani
172		Bơm tiêm điện Perfusor compact	Cái	1	Đức
173		Máy đo SPO2 cầm tay	Cái	1	Hàn Quốc
174		Máy tạo O xy	Cái	1	Mỹ
175		Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	1	Hàn Quốc
176		Y học cổ truyền	Máy châm cứu điện 6 kênh - ES -160	Cái	1
177	Máy điện châm đa năng 8 kênh - POINTRON - 801 II		Cái	1	Hàn Quốc
178	Máy điện châm pin		Cái	20	Việt Nam
179	Nồi hấp tiệt trùng STURDY		Cái	1	Đài Loan
180	Máy Lazer nội mạch		Cái	1	Việt Nam
181	Thiết bị laser diode điều trị		Cái	2	Việt Nam
182	Máy xông hơi thuốc đông y 2 vòi HB4000		Cái	2	Trung Quốc
183	Máy Lazer Diode trị liệu 06 đầu ra		Cái	1	Việt Nam
184	Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng	Cầu thang tập đi PHCN	Cái	1	Việt Nam
185		Đèn điều trị hồng ngoại	Cái	1	Đức

186	Hệ thống lồng tập đa năng	Cái	1	Trung Quốc
187	Máy điện trị liệu đa năng HC UNISTIM	Cái	1	Italy
188	Máy điện xung 2 kênh độc lập Firing Code 7F00 SN: F10132	Cái	1	Italy
189	Máy điện xung SN: 00836	Cái	1	Italy
190	Máy điều trị điện phân, điện xung, nhiệt, siêu âm DoctorHome	Cái	2	Việt Nam
191	Máy điều trị dùng dòng Galvanic	Cái	1	Đức
192	Máy điều trị siêu âm kết hợp kích thích điện	Cái	1	Mỹ
193	Máy điều trị sóng ngắn	Cái	1	Italy
194	Máy điều trị sóng ngắn DX-500	Cái	1	Italy
195	Máy điều trị tần số thấp	Cái	1	Đức
196	Máy đo SPO2 cầm tay VO-100	Cái	1	Hàn Quốc
197	Máy kéo cột sống lưng, cổ giường nâng hạ 4 khúc điều khiển điện HC:ALFATRAC	Cái	1	Italy
198	Máy kéo nắn cột sống lưng, cổ	Cái	1	Hàn Quốc
199	Máy siêu âm điều trị đa tần	Cái	1	Italy
200	Máy điều trị vi sóng và liên tục	Cái	1	Đức
201	Hệ thống kéo dẫn	Cái	1	Hàn Quốc
202	Máy siêu âm điều trị	Cái	1	Đức
203	Máy sóng ngắn điều trị công suất xung 1.100W DX500	Cái	1	Đức
204	Máy từ trường điều trị HC BIOSTIM (SN: 268)	Cái	1	Italy
205	Máy từ trường trị liệu Magnetomed 2000	Cái	1	Italy

206		Máy từ trường Magnetoz (SN: 1600002140)	Cái	1	Italy	
207		Máy vật lý trị liệu đa năng DoctorHome	Cái	4	Việt Nam	
208		Nồi đun nền cách thủy 50 lít	Cái	2	Việt Nam	
209	Tai mũi họng	Forceps sinh thiết thanh quản KLEINSASSER	Cái	2	Đức	
210		Hộp ngâm Cidex	Cái	1	Mỹ	
211		Máy đo thính lực kế	Cái	1	Đức	
212		Máy nén khí dung	Cái	1	Trung Quốc	
213		Máy nén khí không dầu	Cái	1	Trung Quốc	
214		Máy nội soi Tai Mũi Họng NET 260	Cái	1	Hàn Quốc	
215		Máy xông KD NE - U12	Cái	1	Nhật Bản	
216		Ống kính soi hướng nhìn 0°	Cái	1	Đức	
217		Ống soi hạ họng thanh quản BENJAMIN	Cái	1	Đức	
218		Tủ sấy Memmert UN55m (Serial: B220.2500)	Cái	1	Đức	
219		Hệ thống nội soi TMH ống cứng	HT	2	Đức	
220		Răng hàm mặt	Bàn ép răng nhựa thủy lực	Cái	1	Itali
221			Ghế nha khoa ST-D520	Cái	3	Trung Quốc
222	Ghế răng		Cái	1	Pháp	
223	Máy mài Rotex		Cái	1	Mỹ	
224	Máy chữa răng và bộ lấy men răng		Cái	1	Mỹ	

225		Máy điều trị nội nha	Cái	1	Nhật Bản
226		Máy đo chiều dài ống tủy	Cái	1	Thụy sỹ
227		Máy khoan răng	Cái	1	Hàn Quốc
228		Máy khoan răng Micomotor	Cái	1	Mỹ
229		Máy lấy cao răng loại từ tính SCALEX 830	Cái	1	Đài Loan
230		Máy mài nhựa siêu tốc E96	Cái	1	Mỹ
231		Máy mài cầm tay có chổi than để mài răng sứ	Cái	1	Đài Loan
232		Máy mài xương Marathon 3	Cái	1	Hàn Quốc
233		Thiết bị quang trùng hợp làm cứng vật liệu trám răng	Cái	1	Israel
234		Tay khoan nha khoa FX 205 M4 set (Tay khoan chậm)	Cái	1	Nhật Bản
235	Mắt	Đèn soi đáy mắt	Cái	2	Nhật Bản
236		Khúc xạ kế, thị trường kế	Cái	1	Nhật Bản
237		Kính cắt mỏng chu biên VOLK	Cái	1	Mỹ
238		Kính hiển	Cái	1	Đức
239		Kính hiển	Cái	1	Nhật Bản
240		Máy điện di	Cái	2	Việt Nam
241		Máy đo khúc xạ giác mạc	Cái	1	Mỹ
242		Máy đo nhãn áp Icare IC200 (TA 031, SN: 2002BM003)	Cái	1	Phần Lan
243		Máy siêu âm mắt	Cái	1	Nhật Bản
244		Máy sinh hiển vi	Cái	1	Nhật Bản
245		Máy soi bóng đồng tử (Lazer)	Cái	1	Nhật Bản

246		Thiết bị chuyển nhiệt Brother TD -2020 (máy in vòng đeo tay cho người bệnh) SN: M9Z513109	Cái	1	Trung Quốc
247		Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1	Đài Loan
248		Tay cầm phẫu thuật máy PhaCo	Cái	1	Nhật Bản
249		Tủ sấy tiệt trùng	Cái	1	Trung Quốc
250	Da liễu	Máy hút mùi	Cái	1	Việt Nam
251		đèn mổ di động 4 bóng	Cái	1	Trung Quốc
252		Thiết bị phẫu thuật plasma	Cái	1	Việt Nam
253		Lưu điện Santak	Cái	1	Mỹ
254		Thiết bị Laser HE-Ne trị liệu	Cái	1	Việt Nam
255		Thần kinh - Tâm thần	Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC (SN: 372107579)	Cái	2
256	Máy điện não 18 kênh		Cái	1	Trung Quốc
257	Máy điện não NEUROFAX EEC-9200K (TT PCBXH)		Cái	1	Nhật Bản
258	Máy đo điện cơ NEUROWERK EMG (Seri: 17-NWEMG-6009)		Cái	1	Đức
259	Máy đo SPO2 cầm tay		Cái	1	Hàn Quốc
260	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (Seri: BV 17100100019)		Cái	1	Hàn Quốc
261	Xe đẩy cáng bệnh nhân inox		Cái	1	Việt Nam

2. ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG Y HỌC CỔ TRUYỀN

Stt	Khoa	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Hãng, nước sản xuất
-----	------	--------------------	-------------	----------	---------------------

1		Phòng học	Phòng	2	
2		Máy tính	Cái	2	Nhật Bản
3		Máy chiếu	Cái	2	Nhật Bản
4		Bảng viết lớn	Cái	2	Trung Quốc
5	Cấp cứu	Thiết bị chuyển nhiệt Brother TD -2020 (máy in vòng đeo tay cho người bệnh) SN: M9Z513110, 2020TS139	Cái	1	Trung Quốc
6		Bơm tiêm điện TS581	Cái	1	Đức
7		Bơm tiêm điện TS582	Cái	1	Đức
8		Bơm tiêm điện TS583	Cái	1	Đức
9		Bơm tiêm điện TS584	Cái	1	Đức
10		Bơm tiêm điện TS585	Cái	1	Đức
11		Bơm tiêm điện (ODA) TS594	Cái	1	Đức
12		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC (SN: 372107155), 2022TS030	Cái	1	Rumani
13		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC (SN: 372107582), 2022TS032	Cái	1	Rumani
14		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC (SN: 372107604), 2022TS029	Cái	1	Rumani
15		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC (SN: 372107615), 2022TS033	Cái	1	Rumani
16		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC (SN: 372107621), 2022TS031	Cái	1	Rumani
17		Máy điện tim 12 kênh Cardipia 800H (SN: C800222229), 2022TS052	Cái	1	Hàn Quốc
18		Máy đo SPO2 cầm tay, TS668	Cái	5	Hàn Quốc
19	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân, TS563	Cái	1	Trung Quốc	

20		Máy phá rung tạo nhịp tim Cardiolife TEC-5521K - SN:16599	Cái	1	Nhật Bản
21		Máy phá rung tạo nhịp tim TEC-5521K	Cái	1	Nhật Bản
22		Máy phân tích khí máu GEM PREMIER 3500 SN: 19101868	Cái	1	Mỹ
23		Máy theo dõi bệnh nhân 2 thông số Vitapia 5500 (Seri: 20120400006)	Cái	1	Hàn Quốc
24		Máy theo dõi bệnh nhân MP 1000NT	Cái	2	Hàn Quốc
25		Máy thở cấp cứu xách tay Sirio S2/T 9serial: 57323)	Cái	1	Italy
26		Máy thở CPAP với hai mức áp lực (Bilevel)	Cái	1	Trung Quốc
27		Máy thở đa năng DM-150XJ	Cái	1	Pháp
28		Monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	1	Hàn Quốc
29		Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (Serial: 18100100040)	Cái	1	Hàn Quốc
30		Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	Cái	1	Hàn Quốc
31	Hồi sức tích cực và chống độc	Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	10	Rumani
32		Hệ thống monitor trung tâm theo dõi bệnh nhân (Hệ thống máy theo dõi bệnh nhân)	bộ	1	Hàn Quốc
33		Máy điện tim 6 cần	Cái	1	Nhật Bản
34		Máy hút dịch 2 bình	Cái	1	Trung Quốc
35		Máy lọc máu liên tục (Series: 03828)	Cái	1	Đức
36		Máy phá rung tạo nhịp tim TEC-5521K	Cái	1	Nhật Bản
37		Máy siêu âm đen trắng DUS - 8000	Cái	1	Mỹ

38		Máy soi ven AV-500 (SN: AV20050042)	Cái	1	Mỹ
39		Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (Norred)	Cái	7	Phần Lan
40		Máy thở (EVL81010)	Cái	1	Mỹ
41		Máy thở (eVolution 3e)	Cái	7	Mỹ
42		Máy thở (xâm nhập và không thâm nhập) và máy nén khí	Cái	3	Đức
43		Máy thở xách tay HT50	Cái	1	Mỹ
44		Máy X-Quang di động AMADEO M-DR	Cái	1	Đức
45		Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	6	Phần Lan
46		Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	Cái	1	Hàn Quốc
47	Nội Tim mạch	Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	4	Rumani
48		Hệ thống DSA Allura Xper FD20 chụp mạch số (can thiệp mạch)	bộ	1	Hà Lan
49		Hệ thống holter theo dõi điện tim, huyết áp	bộ	1	Áo và Thụy sỹ
50		Holter theo dõi điện tim Medelog FD5 Plus	Cái	1	Áo
51		Holter theo dõi huyết áp BR-102 Plus	Cái	1	Thụy Sĩ
52		Máy điện tim 6 cần ECG-1250K	Cái	1	Nhật Bản
53		Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	1	Phần Lan
54		Máy phá rung tạo nhịp tim TEC-5521K	Cái	1	Nhật Bản
55		Máy siêu âm doppler màu	Cái	1	Hàn Quốc

56		Máy tạo nhịp tạm thời một buồng	Cái	1	Đức	
57		Máy theo dõi bệnh nhân	Cái	1	Hàn Quốc	
58	Nội Thận - Khớp	Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	1	Rumani	
59		Bơm tiêm điện FERFUSOR COMPACT	Cái	1	Đức	
60		Hệ thống lọc nước RO chạy thận nhân tạo	Bộ	1	Việt Nam	
61		Hệ thống lọc nước RO dùng cho máy HDF Online	Bộ	1	Việt Nam	
62		Hệ thống nội soi chẩn đoán tiết niệu	Bộ	1	Nhật Bản	
63		Máy chạy thận nhân tạo	Cái	7	Đức	
64		Máy chạy thận nhân tạo 4008A	Cái	8	Đức	
65		Máy chạy thận nhân tạo HDF Online	Cái	1	Đức	
66		Máy đo SpO2	Cái	1	Hàn Quốc	
67		Máy đo SpO2 cầm tay	Cái	1	Hàn Quốc	
68		Máy theo dõi bệnh nhân 2 thông số Vitapia 5500	Cái	2	Hàn Quốc	
69		Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	1	Hàn Quốc	
70		Nội Tiêu hóa	Bộ cắt Polip OLYMPUS	Bộ	1	Nhật Bản
71			Bộ dây nội soi dạ dày EG-530WR	Bộ	2	Nhật Bản
72	Bộ dây nội soi đại tràng EC-530WL3		Bộ	1	Nhật Bản	
73	Bộ dụng cụ thắt trĩ HEBU		Bộ	1	Đức	
74	bộ nội soi dạ dày đại tràng fujifilm		Bộ	1	Nhật Bản	
75	Bộ soi dạ dày		Bộ	2	Nhật Bản	
76	Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC		Cái	2	Rumani	
77	Hệ thống máy nội soi dạ dày tá tràng + đại tràng ống mềm		Bộ	1	Nhật Bản	

78		Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng	Bộ	1	Nhật Bản	
79		Máy đo SPO2 cầm tay	Cái	1	Hàn Quốc	
80	Nội Tổng hợp	Bộ dây nội soi khí phế quản EB-530S	Cái	1	Nhật Bản	
81		Bơm tiêm điện	Cái	2	Đức	
82		Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	3	Rumani	
83		Bơm tiêm điện Perfusor compact	Cái	2	Đức	
84		Hệ thống nội soi khí phế quản	Bộ	1	Nhật Bản	
85		Kim sinh thiết màng phổi	Cái	2	Thụy sỹ	
86		Kim sinh thiết Olympus	Cái	1	Nhật Bản	
87		Máy đo chức năng hô hấp (Series: A23-OQ.00107)	Cái	1	Italy	
88		Máy đo chức năng hô hấp SPIROLAB III	Cái	1	Italy	
89		Máy đo chức năng hô hấp SpiroScout	Cái	1	Đức	
90		Máy đo SPO2 cầm tay	Cái	2	Hàn Quốc	
91		Máy hút dịch màng phổi	Cái	2	Nhật Bản	
92		Máy phân tích thăm dò chức năng hô hấp	Cái	1	Italy	
93		Máy xông khí dung Comfort 3000	Cái	2	Nhật Bản	
94		Máy xông khí dung siêu âm Comfort 3000	Cái	2	Nhật Bản	
95		Monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	1	Trung Quốc	
96		Ngoại Tổng hợp	Bộ hút dịch áp lực thấp	Cái	3	Hàn Quốc
97			Máy đo SPO2	Cái	1	Hàn Quốc
98	Máy đo SPO2 cầm tay		Cái	2	Hàn Quốc	
99	Máy đo SPO2 cầm tay VO-100		Cái	2	Hàn Quốc	
100	Máy hút dịch màng phổi		Cái	1	Nhật Bản	
101	Máy tháo lồng ruột		Cái	1	Trung Quốc	

102		Thiết bị chuyển nhiệt Brother TD -2020 (máy in vòng đeo tay cho người bệnh)	Cái	1	Trung Quốc
103	Ngoại Chấn thương - Chỉnh hình	Bơm tiêm điện Alaris Guardrails Plus CC	Cái	1	Rumani
104		Đèn mổ cấp cứu di động	Cái	1	Đức
105		Máy đo SPO2 cầm tay VO-100	Cái	1	Hàn Quốc
106		Máy truyền dịch INFUSOMATP	Cái	1	Đức
107		Thiết bị chuyển nhiệt Brother TD -2020 (máy in vòng đeo tay cho người bệnh)	Cái	1	Trung Quốc
108	Ngoại Thần kinh	Bơm tiêm điện PERFUSOR COMPACT	Cái	2	Đức
109		Máy đo spo2	Cái	2	Hàn Quốc
110		Máy đo SPO2 cầm tay VO-100	Cái	3	Hàn Quốc
111	Ngoại Thận - tiết niệu	Bộ tán sỏi niệu quản ngược dòng	Cái	1	Đức
112		Thiết bị chuyển nhiệt Brother TD -2020 (máy in vòng đeo tay cho người bệnh)	Cái	2	Trung Quốc
113		Máy đo SPO2 cầm tay	Cái	1	Hàn Quốc
114		Đèn mổ di động 4 bóng	Cái	1	Trung Quốc
115		Panh Pentax	Cái	1	Nhật Bản
116		Máy rửa tay vô trùng 1 vòi	Cái	1	Việt Nam
117	Y học cổ truyền	Phòng học	Phòng	2	
118		Máy tính	Cái	2	Nhật Bản
119		Máy chiếu	Cái	2	Nhật Bản
120		Bảng viết lớn	Cái	2	Trung Quốc
121		Máy châm cứu điện 6 kênh - ES -160	Cái	1	Nhật Bản

122		Máy điện châm đa năng 8 kênh - POINTRON - 801 II	Cái	1	Hàn Quốc
123		Máy điện châm pin	Cái	20	Việt Nam
124		Nồi hấp tiệt trùng STURDY	Cái	1	Đài Loan
125		Máy Lazer nội mạch	Cái	1	Việt Nam
126		Thiết bị laser diole điều trị	Cái	2	Việt Nam
127		Máy xông hơi thuốc đông y 2 vòi HB4000	Cái	2	Trung Quốc
128		Máy Lazer Diode trị liệu 06 đầu ra	Cái	1	Việt Nam
129	Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng	Cầu thang tập đi PHCN	Cái	1	Việt Nam
130		Đèn điều trị hồng ngoại	Cái	1	Đức
131		Hệ thống lồng tập đa năng	Cái	1	Trung Quốc
132		Máy điện trị liệu đa năng HC UNISTIM	Cái	1	Italy
133		Máy điện xung 2 kênh độc lập Firing Code 7F00 SN: F10132	Cái	1	Italy
134		Máy điện xung SN: 00836	Cái	1	Italy
135		Máy điều trị điện phân, điện xung, nhiệt, siêu âm DoctorHome	Cái	2	Việt Nam
136		Máy điều trị dòng dòng Galvanic	Cái	1	Đức
137		Máy điều trị siêu âm kết hợp kích thích điện	Cái	1	Mỹ
138		Máy điều trị sóng ngắn	Cái	1	Italy
139		Máy điều trị sóng ngắn DX-500	Cái	1	Italy
140		Máy điều trị tần số thấp	Cái	1	Đức
141		Máy đo SPO2 cầm tay VO-100	Cái	1	Hàn Quốc

142	Máy kéo cột sống lưng, cổ giường nâng hạ 4 khúc điều khiển điện HC:ALFATRAC	Cái	1	Italy
143	Máy kéo nắn cột sống lưng, cổ	Cái	1	Hàn Quốc
144	Máy siêu âm điều trị đa tần	Cái	1	Italy
145	Máy điều trị vi sóng và liên tục	Cái	1	Đức
146	Hệ thống kéo dẫn	Cái	1	Hàn Quốc
147	Máy siêu âm điều trị	Cái	1	Đức
148	Máy sóng ngắn điều trị công suất xung 1.100W DX500	Cái	1	Đức
149	Máy từ trường điều trị HC BIOSTIM (SN: 268)	Cái	1	Italy
150	Máy từ trường trị liệu Magnetomed 2000	Cái	1	Italy
151	Máy từ trường Magnetoz (SN: 1600002140)	Cái	1	Italy
152	Máy vật lý trị liệu đa năng DoctorHome	Cái	4	Việt Nam
153	Nồi đun nén cách thủy 50 lít	Cái	2	Việt Nam